TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án số: 45/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 31-8-2017.
V/v "xin ly hôn"giữa bà Lê Thị T và ông Nguyễn Nam S

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Đình Phong** - Thẩm phán.
- Các hội thẩm nhân dân:
  - Bà **Nguyễn Thị Tài.**
  - Bà **Hoàng Thị Mỹ Hằng.**
- Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thị Hà Vi**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên toà: Bà **Trương Thị Ngoan** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 135/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 về việc "*Xin ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T** – Sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 62/9, đường Lý Thường Kiệt, tổ 35, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Nam S-** Sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 22, đường Nguyễn Trãi, Tổ 9, thị trấn L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T và ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2017 và những lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị T thể hiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Nam S chung sống với nhau từ năm 1983 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1989 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng nhau về quan điểm sống, tình cảm. Vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nên sống ly thân từ năm 1989 cho đến nay. Phần ai nấy sống không quan T chăm sóc đến nhau, do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông S có với nhau 02 người con chung là Nguyễn Anh N- Sinh ngày 16/11/1986 và Nguyễn Đức M- Sinh ngày 22/3/1989. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự,

không bị bệnh tật phải sống phụ thuộc vào cha mẹ. Do vậy bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khẳng định quá trình chung sống bà T và ông S không tạo lập được tài sản chung nào cũng như không vay nợ chung ai.

Bị đơn ông Nguyễn Nam S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà T chung sống với nhau từ năm 1983 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng nhau về quan điểm sống, tình cảm. Vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nên sống ly thân từ năm 1989 cho đến nay. Phần ai nấy sống không quan T chăm sóc đến nhau, do tình cảm vợ chồng không còn. Bà T làm đơn xin được ly hôn với ông S, ông S cũng đồng ý được ly hôn với bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống ông S và bà T có với nhau 02 người con chung là Nguyễn Anh N- Sinh ngày 16/11/1986 và Nguyễn Đức M- Sinh ngày 22/3/1989. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị bệnh tật phải sống phụ thuộc vào cha mẹ. Do vậy ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S khẳng định quá trình chung sống ông S và bà T không tạo lập được tài sản chung nào cũng như không vay nợ chung ai.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Xử cho bà Lê Thị T và ông Nguyễn Nam S được ly hôn.

Về con chung: Do hiện nay các con chung là Nguyễn Anh N- Sinh ngày 16/11/1986 và Nguyễn Đức M- Sinh ngày 22/3/1989 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị bệnh tật phải sống phụ thuộc vào cha mẹ, do vậy đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị T phải chịu án phí DSST xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông S chung sống với nhau từ năm 1983 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình, đến năm 1989 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng nhau về quan điểm sống, tình cảm. Bà T và ông S đã sống ly thân từ năm 1989 cho đến nay. Phần ai nấy sống không quan T chăm sóc đến nhau, do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin được ly hôn với ông S. Ông S cũng đồng ý được ly hôn với bà T. Tại phiên tòa bà T và ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian sống ly thân đã kéo dài. Do vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử cho bà Lê Thị T và ông Nguyễn Nam S được ly hôn với nhau là có cơ sở và đúng pháp luật.

[2] Về con chung: Qúa trình chung sống bà T và ông S có với nhau 02 người con chung là Nguyễn Anh N- Sinh ngày 16/11/1986 và Nguyễn Đức M- Sinh ngày 22/3/1989. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị bệnh tật phải sống phụ thuộc vào cha mẹ. Do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông S khẳng định quá trình chung sống bà T và ông S không tạo lập được tài sản chung nào cũng như không vay nợ chung ai. Do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc *" Xin ly hôn"* với ông Nguyễn Nam S. Xử cho bà **Lê Thị T** và ông **Nguyễn Nam S** được ly hôn với nhau.

2/ **Về án phí**: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Lê Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ bà T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004778 ngày 27/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, Lâm Đồng.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THA dân sự huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- UBND xã S, huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Đình Phong